

Số: ~~3989~~/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 12 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình giai  
đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 2277/QĐ-BNN-VPĐP ngày 05/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề cương Đề án Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030 và bộ công cụ điều tra khảo sát;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng Đề án “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2018 - 2020”;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1730/TTr-SNN ngày 25/7/2018 và Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2612/KHĐT-KT ngày 30 tháng 8 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030”, gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đề án: Đề án “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030”. *th*

2. Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành, đơn vị liên quan; UBND cấp huyện, xã.

4. Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc thực hiện

4.1. Phạm vi thực hiện

- Phạm vi không gian: Triển khai ở toàn bộ khu vực nông thôn (136 xã); khuyến khích các địa phương tùy vào điều kiện thực tiễn, triển khai phù hợp ở khu vực đô thị.

- Phạm vi thời gian: Từ năm 2018 đến năm 2030.

4.2. Đối tượng thực hiện

- Sản phẩm: Gồm sản phẩm hàng hóa và sản phẩm dịch vụ có nguồn gốc từ địa phương, hoặc được thuần hóa, đặc biệt là đặc sản vùng, miền, trên cơ sở khai thác lợi thế so sánh về điều kiện sinh thái, văn hóa, nguồn gen, tri thức và công nghệ địa phương.

- Chủ thể thực hiện: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, các hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh.

4.3. Nguyên tắc thực hiện

- Hành động địa phương hướng đến toàn cầu.

- Tự lực, tự tin và sáng tạo.

- Đào tạo nguồn nhân lực.

5. Mục tiêu

5.1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, ưu tiên phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, để sản xuất các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, góp phần phát triển kinh tế nông thôn.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân và thực hiện hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thông qua việc phát triển sản xuất tại khu vực nông thôn, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn hợp lý, bảo vệ môi trường và bảo tồn những giá trị truyền thống tốt đẹp của nông thôn Việt Nam.

5.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Hình thành hệ thống tổ chức “Mỗi xã một sản phẩm” (Sau đây viết tắt là OCOP) từ tỉnh đến xã, theo hướng gọn nhẹ để triển khai chu trình OCOP thường niên.

- Đánh giá, xếp hạng 59 sản phẩm hiện có theo hướng sản phẩm OCOP. Trước mắt trong năm 2018 phấn đấu mỗi huyện, thành phố, thị xã có ít nhất 2 sản phẩm mang tính đặc trưng của địa phương và được đăng ký nhãn hiệu.

- Hoàn thiện, tiêu chuẩn hóa và nâng cấp các sản phẩm đã đạt tiêu chuẩn sản phẩm OCOP.

- Phát triển mới và củng cố các tổ chức kinh tế (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh có đăng ký kinh doanh) sản xuất sản phẩm OCOP.

- Duy trì chu trình OCOP thường niên tại cấp tỉnh và cấp huyện.

- Đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu sản phẩm OCOP;

- Đào tạo, tập huấn kiến thức chuyên môn quản lý sản xuất, kinh doanh cho cán bộ quản lý nhà nước thực hiện Chương trình OCOP và 100% lãnh đạo doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia Chương trình OCOP.

### 5.3. Định hướng đến năm 2030

- Đảm bảo vận hành chu trình OCOP thường niên tự động, tự giác và trở thành một phong trào thi đua khởi nghiệp mạnh mẽ. Có đội ngũ cán bộ, chuyên gia được chuyên nghiệp hóa, hoạt động hiệu quả.

- Xây dựng hệ thống hỗ trợ phát triển và thương mại hoá sản phẩm OCOP từ cấp tỉnh, huyện theo chu trình thường niên đảm bảo đồng bộ, hoạt động bài bản và thương hiệu sản phẩm OCOP Quảng Bình được thương mại trên toàn quốc.

- Phát triển sản phẩm: Đạt khoảng 150 sản phẩm OCOP ở thời điểm năm 2030. Trong đó, có 7 - 10 sản phẩm đạt thứ hạng 5 sao; 20 - 25 sản phẩm đạt thứ hạng 4 sao và 45 - 50 sản phẩm đạt thứ hạng 3 sao. Hàng năm mỗi huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 01 (một) ý tưởng sản phẩm được hỗ trợ theo Chu trình OCOP.

- Phát triển các tổ chức kinh tế: Có ít nhất 30 tổ chức kinh tế mới tham gia Đề án OCOP và tạo ra 70 tổ chức kinh tế OCOP vào năm 2030.

## 6. Nội dung

6.1. Triển khai Chu trình OCOP toàn tỉnh: Tuân thủ thực hiện theo Chu trình OCOP hằng năm gồm: (1) Tuyên truyền, hướng dẫn về OCOP, (2) Nhận đăng ký ý tưởng sản phẩm, (3) Nhận phương án, dự án sản xuất kinh doanh, (4) Triển khai phương án, dự án sản xuất kinh doanh, (5) Đánh giá và xếp hạng sản phẩm, (6) Xúc tiến thương mại.

6.2. Phát triển sản phẩm, dịch vụ OCOP: Tập trung vào 5 nhóm, ngành hàng: (1) Thực phẩm, gồm: Nông sản tươi sống, mật ong, sản phẩm thô và sơ chế, đồ ăn nhanh, tương ớt, nước mắm; (2) Đồ uống, gồm: Đồ uống có cồn và *bu*

đồ uống không cồn; (3) Thảo dược, gồm: Các sản phẩm có thành phần từ cây dược liệu; (4) Lưu niệm - nội thất - trang trí, gồm: Các sản phẩm từ gỗ, sợi, mây tre, kim loại, gốm sứ, dệt may,... làm đồ lưu niệm, đồ gia dụng; (5) Dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng, gồm: Các sản phẩm dịch vụ phục vụ tham quan, du lịch, giải trí, học tập, nghiên cứu.

6.3. Hệ thống quản lý chất lượng: Các hoạt động đánh giá, xếp hạng sản phẩm theo 05 hạng sao quy định tại bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP của Quyết định 490/QĐ-TTg và thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát có liên quan theo quy định.

6.4. Xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP: Hoạt động quảng bá, tiếp thị sản phẩm, thương mại điện tử, hội chợ, triển lãm; xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng giới thiệu và bán sản phẩm OCOP (cấp huyện, cấp tỉnh); gắn kết gian hàng OCOP tại các siêu thị, chợ, khu dân cư lớn; điểm bán hàng OCOP tại các khách sạn, nhà hàng.

6.5. Công tác đào tạo nhân lực: Tập huấn, đào tạo cán bộ tham gia quản lý, điều hành Chương trình OCOP; đào tạo, tập huấn cho các chủ thể sản xuất, lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất. Nội dung đào tạo theo khung đào tạo Chương trình OCOP quy định tại Quyết định 490/QĐ-TTg, các nội dung cần thiết khác.

6.6. Các nhiệm vụ, đề án, dự án thành phần của Đề án gồm (1) Nhóm dự án nâng cấp/phát triển sản phẩm thực hiện theo chu trình OCOP thường niên; (2) Nhóm dự án, đề án xây dựng Trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP; (3) Nhóm dự án khai thác thế mạnh của nông nghiệp - nông thôn Quảng Bình, bao gồm du lịch dịch vụ (Dự án Trục văn hóa - sản phẩm Đồng Hới - Bồ Trạch - Ba Đồn, Quảng Trạch; Dự án Trục văn hóa Đồng Hới - Quảng Ninh - Lệ Thủy; Dự án nâng cấp, mở rộng chuỗi sản phẩm chủ lực cấp tỉnh (05 dự án dự kiến: Mật Ong, Nước mắm, Hải sản khô, Tiêu, Thịt gà); Dự án khởi nghiệp OCOP)

## 7. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu

7.1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức được thực hiện thường xuyên, liên tục về OCOP dưới dạng bản tin, chuyên đề, câu chuyện sản phẩm gắn với hình ảnh, khẩu hiệu cụ thể...

### 7.2. Xây dựng hệ thống quản lý thực hiện OCOP

#### - Cấp tỉnh:

+ Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh.

+ Cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### - Cấp huyện:

+ Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp huyện. *ka*

+ Cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế, hoặc Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

- Cấp xã: UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Đề án OCOP.

### 7.3. Về cơ chế, chính sách

Các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất tham gia thực hiện Đề án OCOP được áp dụng thực hiện các chính sách hiện hành của Nhà nước về phát triển ngành nghề, phát triển nông nghiệp, nông thôn.

### 7.4. Về khoa học và công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

- Nghiên cứu ứng dụng, triển khai, xây dựng tiêu chuẩn hóa sản phẩm OCOP;

- Xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoàn thiện công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm OCOP trên cơ sở nhu cầu cụ thể của các tổ chức kinh tế, ưu tiên các hợp tác xã, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, có địa chỉ ứng dụng cụ thể;

- Ưu tiên công tác phát triển, đăng ký xác lập, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các sản phẩm OCOP;

- Ứng dụng khoa học quản lý trong xây dựng mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã sản xuất sản phẩm OCOP tại cộng đồng.

### 7.5. Xây dựng hệ thống tư vấn, đối tác hỗ trợ thực hiện OCOP

- Hệ thống tư vấn hỗ trợ, gồm: (i) Các cơ quan quản lý Đề án các cấp, trọng tâm là cấp huyện; (ii) Các cá nhân, pháp nhân có kinh nghiệm và năng lực tư vấn toàn diện các hoạt động của Đề án OCOP.

- Hệ thống đối tác của OCOP, gồm: Các doanh nghiệp tham gia trong chuỗi sản xuất, kinh doanh sản phẩm; các viện, trường đại học, nhà khoa học trong lĩnh vực ngành hàng của sản phẩm OCOP cấp trung ương, vùng và địa phương; các hiệp hội chuyên ngành; các tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm; các ngân hàng, các quỹ đầu tư; cơ quan thông tấn báo chí.

### 7.6. Về huy động nguồn lực

- Huy động nguồn lực từ cộng đồng như tiền vốn, đất đai, sức lao động, nguyên vật liệu, công nghệ,... được triển khai huy động trong quá trình hình thành các tổ chức kinh tế, triển khai các hoạt động theo Chu trình OCOP thường niên, vốn góp phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức tín dụng hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất tham gia Đề án OCOP;

- Nhà nước bố trí nguồn vốn ngân sách phù hợp, kịp thời để hỗ trợ cộng đồng đầu tư sản xuất, tổ chức dịch vụ thực hiện Đề án OCOP. *lu*

## 8. Nguồn vốn và cơ cấu vốn thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện Đề án trong 03 năm (2018 - 2020) là: 118.400.000.000 đồng (Một trăm mười tám tỷ, bốn trăm triệu đồng). Trong đó:

- Nguồn vốn thực hiện Đề án OCOP chủ yếu là nguồn xã hội hóa từ: Vốn của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất tự huy động, vốn vay từ các tổ chức tín dụng, các quỹ đầu tư, quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tài trợ của các tổ chức quốc tế,... dự kiến khoảng 92.340.759.000 đồng.

- Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ một phần, bao gồm: Ngân sách hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ, nguồn khuyến công, khuyến nông, các nguồn vốn lồng ghép khác của trung ương và địa phương: Dự kiến khoảng 26.059.241.000 đồng.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chính trong việc tham mưu chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án OCOP trên địa bàn tỉnh; chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai OCOP tỉnh theo giai đoạn và hằng năm; chỉ đạo hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Đề án OCOP trên địa bàn; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí, huy động nguồn lực thực hiện Đề án OCOP; chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh quy định về thành lập hệ thống chỉ đạo, điều hành thực hiện Đề án OCOP từ tỉnh đến cơ sở; thành lập Hội đồng đánh giá và xếp hạng sản phẩm ở cấp tỉnh tại mỗi kỳ đánh giá thường niên; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh chính sách khuyến khích phát triển sản phẩm OCOP; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các dự án thành phần của Đề án; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Đề án để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, các Bộ ngành Trung ương theo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Công Thương: Hướng dẫn, hỗ trợ cộng đồng tham gia Đề án OCOP tiếp cận nguồn vốn khuyến công, lập kế hoạch và ngân sách hằng năm cho hoạt động khuyến công liên quan đến các tổ chức kinh tế hình thành bởi Đề án, tổng hợp, báo cáo kết quả công tác khuyến công; tổ chức, quản lý, điều phối các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ các sản phẩm OCOP (hội chợ, triển lãm,...); cập nhật thông tin thị trường trong nước và quốc tế liên quan đến sản phẩm OCOP; thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thương mại đối với hệ thống trung tâm, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương hỗ trợ các tổ chức kinh tế, cộng đồng đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất sản phẩm, tiêu chuẩn hóa, đăng ký công bố

chất lượng sản phẩm OCOP. Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ hàng năm liên quan đến phát triển sản phẩm OCOP sử dụng nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; hỗ trợ các địa phương đăng ký sở hữu trí tuệ sản phẩm OCOP, tư vấn định hướng phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP, hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa, sử dụng mã số mã vạch theo quy định.

4. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan hỗ trợ, tư vấn cho các tổ chức, cá nhân xây dựng cơ sở vật chất phục vụ sản xuất thực phẩm, trồng dược liệu. Hướng dẫn về việc xây dựng các chỉ tiêu chất lượng dược liệu, đăng ký bản công bố sản phẩm thực phẩm và bản tự công bố sản phẩm thực phẩm. Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý; đánh giá chất lượng các sản phẩm thực phẩm và dược liệu.

5. Sở Du lịch: Hỗ trợ tổ chức kinh tế, nhóm cộng đồng nghiên cứu phát triển, quảng bá các sản phẩm dịch vụ du lịch gắn với du lịch nông thôn trên cơ sở phát huy thế mạnh về danh lam thắng cảnh, truyền thống văn hóa của các vùng, miền; xây dựng câu chuyện cho sản phẩm OCOP để hỗ trợ quảng bá tiêu thụ sản phẩm.

6. Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn cho các hoạt động của Đề án; hỗ trợ các tổ chức kinh tế hình thành trong Đề án về nghiệp vụ, chế độ quản lý tài chính.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Đưa nội dung Đề án OCOP vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ ngân sách để thực hiện Đề án.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai các hoạt động tuyên truyền về Chương trình OCOP. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, internet, thương mại điện tử tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong xây dựng nông thôn thông minh.

9. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan thành lập hệ thống chỉ đạo điều hành, thực hiện Đề án OCOP từ tỉnh đến cơ sở.

10. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Quản lý, chỉ đạo công tác đào tạo nghề phục vụ phát triển OCOP.

11. Sở Giao thông vận tải: Phối hợp triển khai công tác xúc tiến thương mại các sản phẩm OCOP trên các tuyến vận tải hàng không, đường bộ và đường thủy.

12. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành liên quan xây dựng kế hoạch triển khai, kế hoạch công tác hàng năm; kế hoạch vốn, phân bổ vốn để thực hiện Đề án OCOP; hướng dẫn các địa phương lồng ghép kinh phí từ nguồn kinh phí sự nghiệp của Chương trình nông thôn mới để ưu tiên hỗ trợ các sản

phẩm OCOP và phối hợp thực hiện các nội dung liên quan.

### 13. UBND cấp huyện, cấp xã

- Xây dựng kế hoạch, ban hành và tổ chức triển khai Đề án OCOP tại cấp huyện, xã (cấp huyện chủ trì, cấp xã phối hợp).

- Huy động, phân bổ, điều chỉnh các nguồn lực thực hiện trong phạm vi của mình. Sử dụng nguồn vốn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, vốn khoa học công nghệ, khuyến công, khuyến nông, ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn khác để triển khai thực hiện Chương trình OCOP tại địa phương.

- Chú trọng công tác tuyên truyền về OCOP.

- Tổ chức cuộc thi đánh giá và phân hạng sản phẩm cấp huyện để chọn sản phẩm thi đánh giá và phân hạng cấp tỉnh.

### 14. Các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, kinh tế

- Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Hỗ trợ các nhóm hộ gia đình, tổ hợp tác tham gia OCOP hình thành và phát triển hợp tác xã; tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã tham gia Đề án OCOP.

- Đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền hội viên và nhân dân tham gia thực hiện có hiệu quả Đề án OCOP.

- Khuyến khích các ngân hàng, doanh nghiệp, trường dạy nghề, trường đại học, cao đẳng... tham gia thực hiện Đề án OCOP.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Du lịch, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động, Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Giao thông Vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn; Chánh văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đu*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KT, TH, KGVX;
- Lưu: VT, CVNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Minh Ngân*

**Lê Minh Ngân**